

TRAO ĐỔI

VỀ BỨC CHÂN DUNG VUA QUANG TRUNG

Lê Nguyễn Lưu*

I. Những bức tranh cổ đã được phát hiện

Thể hình, tạc mạo vua Quang Trung như thế nào, người ta chỉ biết một vài chi tiết qua những nét miêu tả sơ sài của thư tịch cổ, cho đến năm 1932, xuất hiện một bức tranh trên *Đông thanh tạp chí* (số 1), hình dung một vị tướng trẻ oai phong trong bộ nhung phục, ngồi trên mình ngựa. Tuy không rõ xuất xứ, nhưng đến năm 1968, tạp chí *Sử Địa* số 9 và 10 Tết Mậu Thân, đặc khảo về vua Quang Trung, in lại một cách trang trọng trên mặt bìa. Từ đó, không cần bàn cãi, các nhà nghiên cứu sử học, văn học, nghệ thuật ở nước ta mặc nhiên công nhận đó là chân dung đích thực của vua Quang Trung, và những ai tin rằng người cầm đầu sứ bộ sang triều kiến vua Càn Long chỉ là vua Quang Trung giả, thì cho rằng đó là chân dung Phạm Công Trĩ...

Nguyễn Duy Chính là người đầu tiên phát hiện và công bố trong bài “Bảo kiến hay bảo tất”, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 3 (51). 2005, rằng những tư liệu cung đình Trung Quốc vào thời nhà Thanh cho biết đó là bức chân dung Hoàng đế Càn Long do ngài sai họa công vẽ lại lúc ông duyệt binh hồi trai trẻ, để tặng vua Quang Trung, người mà ông rất hâm mộ. Có hai thuyết về nguồn gốc của nó: 1. Bức chân dung do họa gia Giuseppe Castiglione vẽ năm 1739 khi vua Càn Long 28 tuổi; 2. Bức chân dung cũng do họa gia này vâng lệnh vua Càn Long vẽ năm 1759 để treo nơi Nam Uyển khi duyệt binh. Nguyễn Duy Chính so sánh nó với chân dung vua Càn Long khi còn trai tráng, thấy giống hệt nhau nhiều, chỉ khác biệt trong vài chi tiết nhỏ. Có thể khi nghe Phúc Khang An trình bày nguyện vọng của An Nam Quốc vương, Hoàng đế Càn Long cảm động vì “tấm lòng thành khẩn”, nhưng nếu vẽ chân dung mình hiện tại, một ông già lụ khụ “gần đất xa trời” thì trông chẳng ra thể thống gì, nên sai họa công sao lại chân dung mình hồi trẻ ngồi trên lưng ngựa, oai phong lẫm liệt,⁽¹⁾ để ban cho Nguyễn Quang Bình, đem về “cung phụng ở điện Kính Thiên”.

Quả đúng như vậy. Riêng trong tư liệu của nước ta, chúng tôi cũng thấy sách *Đại Việt quốc thư* có chép lại một *Tờ thiếp của vua Quang Trung trình tướng công họ Phúc để xin một bức chân dung của vua Càn Long* (Quyển Thượng: 331-332), không đề ngày tháng, nay xin ghi lại theo bản dịch của Đình Thụ Hoàng Văn Hòe như sau: “*Hạ thần là nước Phiên nhỏ, tự nơi xa vào châu, trông lên được Đại*

* Thành phố Huế.

hoàng đế rủ lòng nhân từ, coi như cha con người nhà, tấm lòng nhỏ mọn của hạ thần vui mừng cảm kích không biết chừng nào. Hạ thần tự nghĩ không lấy gì đáp lại được ân to một phần trong muôn phần. Hạ thần muốn kêu xin một bức chân dung của Đại hoàng đế, mang về hạ quốc, kính cẩn cung phụng ở điện Kính Thiên để lúc này lúc khác quỳ khấn, như thể được ở bên tả bên hữu đức Đại hoàng đế, cho khỏi phụ lòng luôn luôn quyến luyến. Chỉ sợ rằng phạm lỗi mờ quá, chưa dám thiện tiện tâu lên nhà vua, vì thế giải bày lòng uẩn khúc, ở trước Tôn đại nhân xét định, nên chăng nhờ đại nhân chỉ giáo. Mong mỗi không biết chừng nào!”⁽²⁾

Tờ thiếp này tuy không đề ngày tháng, nhưng rõ ràng là viết tại Yên Kinh, có thể là do Phan Huy Ích hay Ngô Thì Nhậm soạn thảo theo chủ trương của sứ đoàn. Phải nhờ qua Phúc Khang An, vì [vua Quang Trung] “không dám thiện tiện” trực tiếp tâu xin hoàng đế, e rằng quá đường đột, “vô phép”. Hãn Khang An đã đệ đạt nguyện vọng ấy, và vua Càn Long sai họa công cung đình vẽ lại tặng. Khi quân Nguyễn vương (Gia Long) chiếm lại kinh thành Phú Xuân, lấy được, vì là chân dung vua Càn Long nên để lại, chứ còn chân dung “ngụy Huệ” thì đã thiêu hủy ra tro rồi! Đời sau lưu truyền, cứ tưởng nhầm là chân dung vua Quang Trung (hay giả vương Phạm Công Trĩ). Nếu là chân dung vua Quang Trung, thì nó tồn tại được đến nay theo con đường nào?

Sau đó, Nguyễn Duy Chính tiếp tục tìm kiếm, và phát hiện thêm được những bức tranh có hình ảnh (không phải chân dung) của vua Quang Trung như “một trong bộ tranh mười bức ca tụng Thập toàn võ công của vua Cao Tông [tức Càn Long] do Uông Thừa Bái vẽ có tên là *Thập toàn phu tảo*, trong đó có một bức nhan đề *An Nam quốc vương chí Ty Thử Sơn Trang* vẽ hình vua Quang Trung và hai bồi thần [tức Phan Huy Ích và Ngô Văn Sở] vào triều kiến vua Càn Long ở Nhiệt Hà”, và hai là “bộ sách Bát tuần vạn thọ thịnh điển do đại học sĩ A Quế làm Tổng tài và một ban biên tập gồm 74 người, trong đó có 12 danh thần, hoàn tất tháng Mười năm Nhâm Tý, Càn Long 57 (1792)”, trong 242 bức tranh, có một bức vẽ cảnh vua Quang Trung cầm đầu vương công đại thần đón Hoàng đế Càn Long trở về kinh thành.⁽³⁾ Nhưng trong những bức tranh toàn cảnh rộng lớn như thế, hình từng người không thể xem như chân dung truyền thần, mờ nhạt và không cần phải giống y như thật. Rồi trên mạng Internet, nhà nghiên cứu Trần Quang Đức lại công bố một bức chân dung vua Quang Trung hiện cất giữ tại Bảo tàng Cổ Cung Bắc Kinh do họa gia cung đình thực hiện khi An Nam Quốc vương cầm đầu phái đoàn sang chúc thọ, phía trên là bài thơ ngự chế ban cho Nguyễn Quang Bình lúc làm lễ Bão kiến tại Ty Thử Sơn Trang. Bức hình này cũng lờ mờ không rõ bằng bức hình vua Càn Long. Và chẳng mấy chốc họ vẽ ba bức, bắt đầu ngày sứ đoàn Đại Việt từ biệt hồi quốc, tức ngày 20 tháng Tám, mãi đến ngày 23 tháng Mười mới xong, sai người phi ngựa trạm đuổi theo đến Nam Quan để gặp và trao cho sứ đoàn một bức. Như

vậy, trong khi họa công làm việc, không có người mẫu trước mặt, thì cũng không thể có chân dung truyền thần, giỏi lắm cũng chỉ hao hao giống mà thôi! Tất nhiên bức tranh này không còn nữa...

II. Vua Quang Trung hay Phạm Công Trĩ?

Nhưng dù có giống chẳng nữa, thì đó có phải đích thực là vua Quang Trung, hay chỉ là người đóng thế, giả vương Phạm Công Trĩ? Các sử sách của ta đều nhất trí rằng vua Quang Trung sai người khác thay mình sang châu mừng Hoàng đế Càn Long, ngài không có mặt trong sứ đoàn. Sách *Hoàng Lê nhất thống chí* viết: “Ngô Thì Nhậm bèn kén viên quan võ người làng Mạc Điền, huyện Nam Đường ở trấn Nghệ An, tên là Nguyễn Quang Thực, dung mạo đoan trang, giả làm quốc vương; lấy Văn Sở làm trọng thần hàng võ, Huy Ích làm trọng thần hàng văn, Đô đốc Nguyễn Dật làm hộ vệ, Võ Huy Tấn làm bề tôi coi giấy tờ, cùng hầu “quốc vương” sang yết kiến vua Thanh”.⁽⁴⁾ Nhưng sách *Đại Nam liệt truyện* lại kể khác: “Huệ cho Phạm Công Trĩ đội tên mình, sai các bề tôi Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Võ Huy Tấn, Võ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công cùng ngoài lệ cống hai thớt voi đực theo đường trạm đưa sang để cho họ khổ sở vì cung đón nhọc nhằn”.⁽⁵⁾ Chỉ cần một người mà xuất hiện đến hai cái tên: Nguyễn Quang Thực viên quan võ làng Mạc Điền, và Phạm Công Trĩ, cháu gọi vua Quang Trung bằng cậu. Có một điều chắc chắn: giả vương là một trong hai người ấy. Vậy thì người nào đây?

Mỗi khi thấy có sự sai biệt giữa *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Đại Nam liệt truyện*, thì hai tác giả Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng lại nghiêng về Ngô gia văn phái, vì cho rằng sách của Sử Quán triều Nguyễn “không có những chi tiết cụ thể đáng tin hơn”⁽⁶⁾ hay vì sách ấy viết sau nên quên mất nhiều sự kiện và lẫn lộn nhiều nhân vật. Nhưng theo chúng tôi, nhiều chi tiết chưa hẳn chính xác hơn ít chi tiết. Nên nhớ *Hoàng Lê nhất thống chí* là một tiểu thuyết lịch sử, như *Tam quốc chí diễn nghĩa* của La Quán Trung (Trung Quốc), tác giả có quyền hư cấu thêm nhiều chi tiết, nhiều đối thoại, nên không thể xem là sử liệu bậc nhất được. Còn thời gian viết trước hay sau cũng chưa phải là thước đo độ tin của sách. Hơn nữa, theo các nhà nghiên cứu văn học, *Hoàng Lê nhất thống chí* không phải do chỉ một người chấp bút và hoàn thành đồng bộ trong một thời điểm. Sách gồm 17 hồi, thì 7 hồi đầu do Ngô Thì Chí viết giữa thời Gia Long (1802-1819), 7 hồi tiếp theo do Ngô Thì Du viết giữa thời Minh Mạng (1820-1840), ba hồi cuối cùng có vấn đề ta đang xét lại do một người khác nữa (không rõ tên) viết vội vào thời Tự Đức (1848-1883), nghĩa là đồng thời với *Đại Nam liệt truyện chính biên*, sơ tập (khởi thảo năm 1852), kể đại khái giai đoạn này, cốt đưa đến việc vua Gia Long thống nhất đất nước, do đó dễ nhầm lẫn và bỏ qua nhiều chi tiết.

Ngay cái tên Nguyễn Quang Thực cũng xuất hiện rất bất ngờ, không khác gì hư cấu, bịa đặt, lẽ ra đưa vào trường hợp khác, khi sứ nhà Thanh là Thành Lâm sang Thăng Long đọc chỉ dụ phong vương cho vua Quang Trung ngày mùng 01 tháng Tám năm Kỷ Dậu thì còn tin được, vì lúc ấy chẳng có gì quan trọng, chỉ phải tiếp một viên quan cấp thấp trong chốc lát, thì ai cũng xong, không như lần này quan trọng hơn, phải diện kiến hoàng đế đại Thanh và bao nhiêu quan chức tầm cỡ của ông ta, nên cần chọn lựa kỹ càng và tập tành cẩn thận. Do đó, chúng tôi cho rằng người giả làm vua Quang Trung lần này chính là Phạm Công Trĩ. Và lại, sách *Đại Nam thực lục* nói Phạm Công Trĩ giả làm vua Quang Trung khi đón tiếp Thành Lâm nhận tờ tuyên phong cũng có lý, vì lúc ấy ông đã được họ biết mặt, nay cứ tiếp tục thì không sợ bị lộ, vì chính bọn Thành Lâm vẫn giữ nhiệm vụ hộ tòng.

Nhưng Phạm Công Trĩ đã nghiễm nhiên là vua Quang Trung, thì trong sứ đoàn cũng không thể không có Phạm Công Trĩ. Thực tế, khi sang Trung Quốc, Phạm Công Trĩ vẫn hiện diện cùng Nguyễn Quang Thùy hộ giá vua Quang Trung giả. Như vậy, tuy sử sách không nói, nhưng lại phải thêm một người đóng vai Phạm Công Trĩ. Thế ta mới thấy vua Quang Trung là một nhà đạo diễn tài năng, che mắt được cả thiên triều từ dưới lên trên, trừ một người: Phúc Khang An. Nếu thế thì ai là Phạm Công Trĩ giả? Tình cờ đọc gia phả họ Nguyễn Cửu làng Vân Dương (huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế),⁽⁷⁾ chúng tôi phát hiện một người cùng tên Trĩ, được ghi như sau (dịch): “*Trĩ An hầu Nguyễn Cửu Trĩ: Ông hình dáng dung mạo cao lớn, đẹp đẽ, tánh lại khôn khéo. Thừa giặc Tây Sơn Nguyễn Quang Bình chiếm cứ khiến ông cải trang làm giả vương sang triều kiến vua Cao Tông nhà Thanh. Về sau ông ở lại sống tại Hà Nội, coi thuế hầm mỏ Tuyên Quang, không biết chết như thế nào*”. Chọn một kẻ “vô danh” đóng vai Phạm Công Trĩ, cho gần “phù hiệu” Trĩ An hầu thì khỏi lo gì cả. Vì khi ra đi, ông nghiễm nhiên là Trĩ An hầu, thấp tùng ngự đạo, nên con cháu không phân biệt, cứ ghi tước của ông là Trĩ An hầu, giả làm vua Quang Trung...

Nhưng với nhân vật phụ này, phải giải quyết sớm để tránh rắc rối về sau. Trong thời gian lưu lại Lưỡng Quảng, có một sự cố xảy ra, có lẽ không phải tình cờ. Nguyên sau khi Hoàng đế Càn Long ban cho vua Quang Trung thơ ngự chế cùng các món quà như giày và đai thắt kim hoàng, lại ban cho hoàng tử Nguyễn Quang Thùy tước Thế tử cùng ngọc Như ý, vua Quang Trung dâng biểu từ tạ⁽⁸⁾ vì ơn thánh chúa quá nặng mà mình chưa có công lao gì, thì Nguyễn Quang Thùy bị bệnh sốt rét, phải xin trở về nước để điều trị. Phúc Khang An ứng thuận, cho người hộ tống ra khỏi quan ải rồi làm sớ tâu lên. Càn Long khen “mọi việc liệu biện rất tốt”, đặc biệt tặng Thùy một viên ngọc Như ý và bảo Phúc “*hãy gặp mặt Quốc vương trao tận tay cùng biểu văn được châu phê, để kính cẩn lãnh nhận. Lại nói thêm cho viên Quốc vương biết rằng con trai vương vừa tuổi để trái đào, thông minh chí thành, thiết tha*

muốn chiêm cận Thiên tử, Đại hoàng đế gia ân ngoại lệ phong chức Thế tử. Nay tuy vương chút bệnh nhỏ phải trở về nước, tuy chưa thể cùng đến chiêm cận, nhưng biểu hiện lòng trung ái tôn thờ, Đại hoàng đế khen ngợi vô cùng và đặc cách ban cho Thế tử một viên ngọc Như ý, để làm điềm tốt cho sự an lành may mắn, tức bệnh sẽ thuyên giảm” (dự ngày 2 tháng Năm, 14/5/1790).⁽⁹⁾ Tờ dụ này, *Đại Việt quốc thư* cũng chép lại, nhưng có một đoạn mà *Cao Tông thực lục* bỏ qua như sau: “*Nguyễn Quang Thùy ít tuổi người yếu, đi xa muôn dặm, lại thêm phần khó nhọc, lũ Phúc Khang An cho phái bồi thần nước ấy là Đặng Văn Chân cùng cháu gọi vua nước ấy bằng cậu là Phạm Công Trị đi kèm để ra khỏi cửa quan, dặn phải điều trị cho khéo, điều đó rất là phải*”.⁽¹⁰⁾ Càn Long cũng khen vua Quang Trung chân thành khiêm cần, nhưng bảo không nên từ tạ mà nhận lãnh đặc ân trên. Nguyễn Quang Thùy được trở về nước, nhân dịp ấy, sứ đoàn cho Phạm Công Trị theo hộ tống. Bệnh của “Thế tử” chẳng rõ có đúng là bệnh không, và có đúng là nặng đến nỗi ở Trung Quốc khó chữa trị, bỏ mất dịp “chiêm cận Đại hoàng đế thiên triều” không, nhưng mới vào đất Thanh chưa bao xa, Phạm Công Trị đã được trở về, hẳn là có ý đồ. Vì đây là Trị giả, thuộc hạng người bình thường, chắc “diễn xuất” chưa đạt, nên phải tìm cách rút lui để tránh bại lộ chăng? Nguyễn Quang Thùy về thắng Phú Xuân, có binh phu hộ tống, còn Phạm Công Trị (tức Nguyễn Cửu Trị) ở lại Hà Nội, rồi được điều lên làm việc tại hầm mỏ Tuyên Quang, phải chăng để tránh sau này dư luận Phú Xuân có hai Phạm Công Trị?

Trong bài “Bão kiến hay bão tất” đã dẫn, Nguyễn Duy Chính khẳng định đích thực vua Quang Trung là người dẫn đầu sứ đoàn, căn cứ vào một số tài liệu, bằng chứng như:

1. Mới sang Quảng Tây thì Nguyễn Quang Thùy bị bệnh, Phúc Khang An chịu cho Đặng Văn Chân và Phạm Công Trị hộ tống đưa về nước. Phạm Công Trị hiện diện trong sứ đoàn, thì sao nói ông đóng thế vua Quang Trung được?

2. *Hoàng Lê nhất thống chí* nói người đóng thế vua Quang Trung là võ quan Nguyễn Quang Thực, nhưng đó là cuốn tiểu thuyết, tác giả muốn tạo ra sự ly kỳ (để hấp dẫn người đọc), nên không đáng tin.

3. Ghi chép của John Barrow trong phái đoàn nước Anh nói viên tướng giả vua sau khi về đã bị giết cùng đoàn tùy tùng để “phi tang”, nhưng đó cũng chỉ kể lại lời đồn vô căn cứ, vì nếu có, sứ triều Nguyễn nhất định không bỏ qua.

4. Vua Quang Trung thật sang Tàu, nhưng phải tung “hỏa mù” bằng cách nói là giả để những kẻ chống đối không dám manh động.

Chúng tôi thấy: Điểm thứ nhất có thể giải quyết dễ dàng khi Phạm Công Trị giả vua Quang Trung thì có Nguyễn Cửu Trị giả Phạm Công Trị như đã trình bày trên đây. Điểm 2 đúng, Nguyễn Quang Thực như là một nhân vật hư cấu, chỉ có

điều *Hoàng Lê nhất thống chí* cũng nói vua Quang Trung sang Thanh là giả mạo như *Đại Nam thực lục*, thì khó mà phủ nhận; chỉ vì tác giả là người ngoài cuộc, chỉ nghe nói mà không biết người đóng thế vua Quang Trung là ai, nên hờ hững ra một Nguyễn Quang Thục để “lấp chỗ trống”, tưởng cũng không hại gì. Điểm 3, chuyện giết để phi tang nếu có thì chỉ đối với Nguyễn Cửu Trị, chứ không thể là cháu vua nhưng sứ đoàn đến 200 thành viên, số người biết “bí mật quốc gia” này chắc không ít, chỉ “bịt miệng” một vài người sao cho xuôi? Cuối cùng việc vua Quang Trung muốn tung hỏa mù để đánh lừa những kẻ chống đối, nhưng chỉ vài ngày thì được, chứ thời gian ngài vắng mặt quá lâu, ít ra cũng tám, chín tháng, không thể giữ kín mãi được, người khôn ngoan không ai làm như vậy.⁽¹¹⁾ Trong tình hình lúc bấy giờ, nếu vua Quang Trung dám bỏ nước mà đi, thì có thể nói là một hành động liều lĩnh, không khéo trở thành một hoàng đế lưu vong như Lê Chiêu Thống, vì những mối lo:

1. Nguyên lúc Nguyễn Huệ ra Thăng Long lật đổ họ Trịnh, vua Thái Đức (Nguyễn Nhạc) sợ em trở nên “họm hĩnh chuyên quyền”, vội vàng dẫn bộ binh ngày đêm đi gấp ra “lôi” về, nhưng đến Phú Xuân thì “chú Ba” nhất định ở lại, ông anh đành phải một mình trở về Quy Nhơn, vì thấy lực lượng Thuận Hóa mạnh quá và được tổ chức rất quy mô nề nếp, nên không dám “bắt nạt” em. Đến Quy Nhơn, vua Thái Đức mới gửi thư ra đòi em chia số vàng bạc của cải lấy được trong kho tàng vua Lê chúa Trịnh. Huệ không chịu. Nhạc tức giận nhưng bất lực, không làm gì được, sinh ra phần uất, giết bạn thân của em là Nguyễn Thung, lại cưỡng dâm cả với em dâu (vợ Huệ). Huệ nghe tin, lập tức đem quân vào “hỏi tội” anh, gây nên cảnh “nồi da xáo thịt”. Theo các chứng nhân đương thời, cuộc đánh nhau diễn ra từ ngày 21/2/1787. Tất nhiên Thái Đức Hoàng đế thua liểng xiểng, phải lên mặt thành khóc, kêu gọi tình ruột thịt máu mủ để được giải vây. Bấy giờ Huệ mới chịu triệt quân về Phú Xuân. Từ đó, tình anh em rạn nứt, không dễ gì hàn gắn lại được, nên “mặc ai cứ nấy”. Nguyễn Huệ tuy ở Phú Xuân, nhưng trong số thuộc tướng lại có Võ Văn Nhậm là con rể của Nguyễn Nhạc, cho nên khi được tin Nguyễn Hữu Chỉnh lộng quyền ở Bắc Hà, ông không dám Bắc chinh lần nữa, sợ Nhậm tráo trở thì nguy, nên sai chính Nhậm ra hỏi tội kẻ phản nghịch, nhưng lại cho Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân đi kèm và dặn riêng: “*Nhậm trong chuyến đi này cầm trọng binh, chuyên coi sóc việc của một nước lớn thì việc biến không thể nào liệu dò trước được. Điều lo của ta không phải ở Bắc Hà mà là chỉ ở Nhậm thôi. Bọn người phải xem xét hẳn, cũng như lửa vậy, dập tắt lửa khi mới nhen nhúm thì sức dễ làm*”.⁽¹²⁾ Sở và Lân hiểu ý ngay, nên sau khi diệt Chỉnh, Nhậm lập Sùng Nhượng công làm giám quốc rồi tự mình nắm quyền cai trị Bắc Hà, họ mật báo ngay về Phú Xuân. Lập tức, Huệ đem ít quân cấp tốc ra Thăng Long, nửa đêm vào thẳng nơi ngủ của Nhậm, chỉ gươm hỏi tội chém ngay, không cần để Nhậm biện minh, rồi cũng cấp

tốc trở về Phú Xuân. Việc làm này lại khoét sâu thêm mối thâm thù với Quy Nhơn. Tuy lực lượng của Quy Nhơn so với Phú Xuân quá chênh lệch, nhưng đó là nói khi Phú Xuân có Nguyễn Huệ chỉ huy, còn khi Nguyễn Huệ vắng mặt, thì ai biết chuyện gì sẽ xảy ra... nếu vua Thái Đức nhân lúc sơ hở, điều động hết binh tướng của mình bất ngờ tấn công Phú Xuân?

2. Đó là một mối lo. Mối lo thứ hai lớn hơn là phe Cựu Nguyễn ở Gia Định. Mấy năm qua, nhân cơ hội Nguyễn Huệ tập trung đối phó với nhà Thanh, Nguyễn Phúc Ánh đã củng cố được chỗ đứng chân tại đó và đang dần dần mạnh lên, sẽ rất “khó trị”. Nguyên trong khi giám mục D’Adran, Pigneau de Béhaine⁽¹³⁾ “hộ tống” hoàng tử Cảnh sang Pháp xin viện binh, thì Nguyễn vương trở về Gia Định, chiêu tập binh tướng cũ. Vì đất Nam Bộ là “đất họ Nguyễn”, quan quân tướng sĩ cũ của họ Nguyễn lẫn lút trong dân gian còn nhiều, lại thêm dân Nam Bộ dù sao vẫn không quên công khai phá của “chủ cũ”, cho nên “nhất hô bá ứng”, nhóm họp lại khá nhanh. Quân Tây Sơn phần lớn là lực lượng của Quy Nhơn, tuy cũng có người giỏi như Phạm Văn Tham (Sâm), Nguyễn Văn Chân... nhưng tinh thần và thế lực không bằng Phú Xuân. Vì thế, ngày Đinh Sửu tháng Tám năm Mậu Thân (7/9/1788), Nguyễn vương chiếm được thành Gia Định mà chẳng cần kết quả chuyển đi của giám mục D’Adran. Những lần trước, mỗi khi nguy cấp, Quy Nhơn đều phái người ra cầu cứu Phú Xuân, nhưng lần này thì đành chịu, vì Phú Xuân cũng đang lo chuyện đối phó với nhà Thanh. Hoàng đế Thái Đức đành để mất vựa lúa miền Nam, nơi chưa bao giờ yên ổn nếu thiếu mặt Nguyễn Huệ! Cuộc chiến ở Gia Định kết thúc khi viên tướng Tây Sơn cuối cùng Phạm Văn Tham mang gông ra hàng khoảng giữa năm 1789.

Nguyễn vương bắt đầu tổ chức Gia Định để củng cố thế lực. Buổi đầu, ông dùng chế độ quân quản, chiếm được nơi nào, lập ngay chính quyền nơi đó, giao cho các tướng lãnh phụ trách cả việc hành chánh, nhưng rồi ông cũng mở lần lượt hai kỳ thi để tuyển chọn nhân tài nho học trên đất này, trong đó hầu hết là học trò của xử sĩ Võ Trường Toản, như Ngô Nhân Tĩnh, Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Hoàng Minh Khánh, Nguyễn Đình Đức, Phạm Đăng Hưng... Ngay tại thành Gia Định, một triều đình mới ra đời, gồm lục bộ (người phụ trách không có chức thượng thư, mà chỉ gọi bằng tên bộ chẳng khác gì thời chúa Nguyễn, như Hộ Bộ Nguyễn Kỳ Ké, Lễ Bộ Đặng Đức Siêu..., nhưng các cấp dưới thì đã đầy đủ như tham tri, lang trung, thị lang, viên ngoại lang...), và một số cơ quan chuyên biệt như Công Sĩ Viện (tiền thân của Thị Thư Viện thời Gia Long và Nội Các thời Minh Mạng), Thái Y Viện, Hàn Lâm Viện... Đặc biệt, khi có những vấn đề lớn ngoài khuôn khổ các bộ, thì Nguyễn vương cho các đại thần văn lẫn võ họp lại thảo luận, kết quả là một văn bản như một nghị quyết để thi hành, gọi là Công Đồng hội nghị, bắt đầu từ tháng Tám năm Đinh Mùi (1787).

Mặt khác, Nguyễn vương sai kiểm tra dân số rất chặt chẽ, tuy gặp trở ngại khó khăn vì địa bàn phân tán, nhất là các dân tộc ít người, xưa nay họ không chịu bị ràng buộc gì. Mục đích việc này là để tuyển lính, cứ hai đình thì bắt một, lập thành phủ binh. Muốn nuôi lính, nuôi quan, và mua sắm khí giới, phải có thật nhiều lương thực và tiền bạc, nên Nguyễn vương ban hành chế độ ruộng đất để quản lý tô thuế, đồng thời khuyến khích, mời mọc tàu buôn các nước đến trao đổi hàng hóa, nhưng cấm ngặt việc lén lút mua bán riêng tư (lậu thuế)... Xem ra, nếu cứ để Gia Định “ngoài tầm kiểm soát”, thì mỗi ngày phe Cựu Nguyễn mỗi mạnh thêm, đến lúc chẳng những không thể “trị” được mà còn bị họ “trị” lại nữa, nên vua Quang Trung cần nghiên cứu tình hình, vạch ra một chuyển hành quân quy mô để một lần nhổ hẵn cái gai nguy hiểm trên đường đi của mình.

3. Với hai mối lo lớn như thế, chưa kể phe cựu thần nhà Lê đang nằm im chờ cơ hội, vua Quang Trung không thể bỏ nước mà đi, cũng chưa kể khi vắng ông quá lâu, các tướng lĩnh Phú Xuân có thể gây nên bất kỳ sự cố gì. Họ vốn là những “anh hùng thảo dã” sinh ra trong thời loạn, xã hội suy đồi, tập hợp từ nhiều “nguồn” khác nhau, trở nên mạnh mẽ nhờ uy lực và tài năng của “chú Ba”, không phải ai cũng kiềm chế được họ, như hai ông tướng Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, hai ông anh (hay em) vợ Bùi Đắc Tuyên, Phạm Công Hưng và nhiều tay anh hùng hảo hán khác. Họ là những người có tài năng xuất chúng về quân sự, nhưng thuộc lực lượng nông dân, con cháu những gia đình thuộc tầng lớp dưới, viên chức nhỏ hay nhân dân lao động, ít chịu sự giáo dục của lễ lối “tam cương ngũ thường”. Ai cũng có cái “tôi” rất mạnh tiềm ẩn bên trong, khi có cơ hội sẽ bộc phát dữ dội. Họ chỉ bị khống chế bởi cái uy lực siêu việt của vị anh hùng Nguyễn Huệ - vua Quang Trung, ngoài ra, không ai chế ngự được họ. Nếu nhà vua vắng mặt lâu dài, giao quyền nhiếp chính cho cậu bé Nguyễn Quang Toàn non nớt yếu đuối, thì điều gì cũng có thể xảy ra. Xem tình hình triều đình Phú Xuân sau khi vua Quang Trung mất là đủ rõ.⁽¹⁴⁾ Đó là mối lo thứ ba, vua Quang Trung không thể không thấy, không dự liệu... Vậy, vua Quang Trung phải “ở nhà”.

Ngoài ba lý do đã kể, một điều đáng nói nữa là trên đường sứ trình, trong lúc Ngô Thì Nhậm bù đầu lo việc văn thư, bản thì đưa cho vua tôi nhà Thanh, bản thì gửi về trong nước gián tiếp báo tin cho vua Quang Trung, Phan Huy Ích chỉ thông dong “phẩm đề giang sơn”, để lại tập thơ 星槎紀行 *Tinh sà kỷ hành* gồm 178 bài. Ông có những bài tặng sĩ phu hay quan lại Trung Quốc, trao đổi hay xướng họa với đồng sự như Võ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Ngô Thì Nhậm... Nhưng hoàn toàn không một chữ, một dòng nào động chạm đến vua Quang Trung. Ngô Thì Nhậm sau này vào Phú Xuân một thời gian dưới thời Cảnh Thịnh,⁽¹⁵⁾ làm tập thơ 秋觀陽言 *Thu cận dương ngôn*, trong đó có rất nhiều bài về việc theo hầu vua, như 從駕望陣宮春日出兵奉記 *Tòng giá vọng trận cung xuân nhật xuất binh phụng ký*

(Theo xe vua đến hành cung xem tập trận ngày xuân, kính ghi), 從駕幸奕門觀海恭記 *Tòng giá hạnh Noãn môn quan hải, cung ký* (Theo xe vua đến cửa Noãn xem biển, kính ghi), 侍御舟過河中匯恭記 *Thị ngự chu quá Hà Trung hồi cung ký* (Hầu thuyền vua qua phá Hà Trung, kính ghi), 欽頒日侍清夷殿恭記 *Khâm ban nhật thị Thanh Di điện, cung ký* (Vua cho hàng ngày châu hầu ở điện Thanh Di, kính ghi); được vua ban thưởng gì ông cũng làm thơ ghi lại như 欽頒御前珍膳恭記 *Khâm ban ngự tiền trân thiện, cung ký* (Vua cho ăn yến trước mặt ngài, kính ghi), 欽侍御前奉賜茶恭記 *Khâm thị ngự tiền phụng tứ trà, cung ký* (Kính hầu trước mặt vua, được cho uống trà, kính ghi)... Còn Phan Huy Ích, trước đây vào Phú Xuân nghe mệnh, đi đường chậm trễ, ở Nghệ An nghe tin bị vua quở trách, ông làm ngay bài thơ *Văn khiển cảm tác* để nói lên cảm xúc, suy nghĩ của mình. Nay trên sứ trình, chắc chắn ông phải “hầu” vua hàng ngày, trao đổi công việc hay góp ý “cố vấn”, nhưng ông không cảm xúc để đưa vào thơ, vì người nói chuyện với ông chỉ là “vua giả”, làm cho tròn nhiệm vụ chứ chẳng có gì để “tâm sự”. Vậy, nói cho cùng, vị cầm đầu sứ đoàn Tây Sơn sang mừng thọ bát tuần Hoàng đế Càn Long chính là Phạm Công Trị đóng giả vua Quang Trung, trong thời gian đó, nhà vua lánh mặt trong cung, chỉ đạo ông hoàng bé tập làm việc nước. Ai cũng biết như thế, có lẽ Phúc Khang An cũng dự phần, trừ Hoàng đế Càn Long...

L N L

CHÚ THÍCH

- (1) Xem Nguyễn Duy Chính, “Bảo kiến hay bảo tất”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 3 (51).2005, tr. 32-33.
- (2) Quang Trung Nguyễn Huệ (1973), *Đại Việt quốc thư*, dịch giả: Hoàng Văn Hòe, Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn, tr. 331-332. Tuy bìa ghi tên Quang Trung Nguyễn Huệ, nhưng tác giả không rõ là ai, nội dung sưu tập các văn bản ngoại giao với nhà Thanh, trong đó phần quan trọng chắc do Ngô Thì Nhậm soạn thảo.
- (3) Nguyễn Duy Chính, “Đã tìm ra chân dung vua Quang Trung?”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (138).2017.
- (4) Ngô gia văn phái (1984), *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch: Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch, Nxb Văn học, Hà Nội, tập II, tr. 195.
- (5) Dịch từ nguyên văn trong: Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Chính biên, sơ tập, tờ 39a.
- (6) Nguyễn Lương Bích, Phạm Ngọc Phụng (1977), *Tìm hiểu thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 316.
- (7) Nguyễn Cửu là một vọng tộc thời các chúa Nguyễn, vốn là một hệ của họ Nguyễn trang Gia Miêu ngoại, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hóa. Nguyễn Cửu vượt Sông Gianh vào thời Nguyễn Phúc Nguyên, được cho lót chữ Phúc, đến thời Minh Mạng mới phải đổi chữ Phúc thành chữ Cửu, đời đời có nhiều nhân vật nổi tiếng (Nguyễn Cửu Thế, Nguyễn Cửu Pháp, Nguyễn Cửu Vân, Nguyễn Cửu Thống...). Kể về trực hệ thì Đời 1 Nghĩa quận

- công Kiều (1599-1653), Đời 2 Trần quận công Ứng (1634-1705), Đời 3 Trung quốc công Thế (1666-1731), Đời 4 Hoán quận công Pháp (1705-1776), Đời 5 Trị An hầu Trị.
- (8) Nên nhớ vua Quang Trung đây là vua Quang Trung giả (do Phạm Công Trị diễn xuất), và những biểu văn, công thư đều do Ngô Thì Nhậm hay Võ Huy Tấn tùy nghi soạn thảo.
- (9) Hồ Bạch Thảo (dịch) (2007), *Thanh thực lục, sử liệu chiến tranh Thanh - Tây Sơn*, Nxb Hà Nội, tr. 185-186.
- (10) Quang Trung Nguyễn Huệ, *Đại Việt quốc thư*, sđd, tr. 260.
- (11) Sử Trung Quốc cũng nhận vua Quang Trung là Phạm Công Trị giả trang, như sách *Thanh thông giám* viết: “*Nhưng Quốc vương An Nam mà Càn Long thấy lần đầu coi như đã quen thân từ trước thực ra chỉ là một người dung mạo giống Nguyễn Quang Bình, tên là Phạm Công Trị, cháu ngoại của viên Quốc vương này*” (Hồ Bạch Thảo (dịch), *Thanh thực lục, sử liệu chiến tranh Thanh - Tây Sơn*, sđd, tr. 134).
- (12) Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, sđd, tờ 27b.
- (13) Joseph Georges Pigneau (1741-1799), tên thật Pigneau De Béhaine, giám mục (Evêque d'Adran), dịch âm Bá Đa Lộc, sau được Nguyễn Ánh phong tước quận công, gọi là Bi Nhu quận công.
- (14) Thái sư Bùi Đắc Tuyên triệt hạ những người đối lập vốn là thân tín của tiên đế, như đày Trung Thư lệnh Trần Văn Kỷ ra coi trạm dịch Mỹ Xuyên (huyện Quảng Điền), phái Thống suất Trần Quang Diệu vào Quy Nhơn, qua năm 1794 lại phái Tư đồ Võ Văn Dũng ra điều bát quân sự ở Bắc thành, gọi Ngô Văn Sở về Phú Xuân. Dũng đi qua trạm Mỹ Xuyên gặp Kỷ. Nghe lời khuyên của Kỷ, Dũng ngậm trở về kinh đô, mật mưu với Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huân, bắt Tuyên, lại giả tờ chiếu lệnh cho Nguyễn Quang Thùy bắt Ngô Văn Sở đóng gông giải về kinh, cho Nguyễn Văn Huân vào Quy Nhơn bắt con Tuyên là Trụ đem ra, rồi chìm nước chết hết. Trần Quang Diệu đang vây quân Gia Định ở Diên Khánh, nghe báo tin kinh đô có nội biến, lập tức triệt thoái về Phú Xuân. Dũng nghĩ Diệu có tình thông gia với Tuyên (vợ Diệu, Bùi Thị Xuân là cháu họ của Tuyên) nên ủy Phạm Công Hưng đón Diệu để điều đình. Diệu đến An Cựu, đóng quân bên bờ nam Sông Hương, dàn thế trận. Dũng cũng dàn quân bên bờ bắc để chống cự. Nguyễn Quang Toàn lo sợ, sai sứ giả đi lại ủy lạo mãi, cuối cùng họ cũng chịu giảng hòa. Diệu xin cho Lê Trung vào giữ Quy Nhơn, gọi Nguyễn Văn Huân về triều. Tiếp đó, Phạm Công Hưng bị bệnh mất, Trần Quang Diệu làm Thiếu phó, Nguyễn Văn Huân làm Thiếu bảo, Võ Văn Dũng làm Đại tư đồ, Nguyễn Văn Danh (hay Tứ) làm Đại tư mã, gọi là “tứ trụ đại thần”, chia nhau nắm hết quyền bính trong triều. Nghe lời dèm, vua tước binh quyền của Diệu; Diệu lo sợ, thường cáo ốm không vào chầu, tự vũ trang đề phòng, nhưng năm sau, vì quân Gia Định đánh mạnh, vua phải giao trả binh quyền cho Diệu... Năm 1796, Nguyễn Quang Toàn nghe lời dèm, giết Lê Trung và Nguyễn Văn Huân, tướng sĩ nản lòng, nhiều người bỏ hàng theo Nguyễn Phúc Ánh như Lê Chất (con rể của Trung).
- (15) Từ năm 1792 (sau khi vua Quang Trung mất), đến năm 1797, Ngô Thì Nhậm đi sứ báo tang về, được triệu vào Phú Xuân làm Quốc Sử Quán Tổng tài để biên soạn sử ký (có lẽ là sách *Đại Việt sử ký tục biên*) và thảo một số chiếu văn cho vua.

TÓM TẮT

Theo tác giả, bức chân dung đầu tiên được cho là của vua Quang Trung do tạp chí *Đông thanh* công bố năm 1932 thật ra là chân dung của vua Càn Long thời trai tráng, do ông sai họa công cung đình vẽ lại để tặng cho vua Quang Trung theo thỉnh nguyện. Những tấm khác được phát hiện sau này thì chính là hình ảnh của người cầm đầu sứ đoàn Đại Việt sang Yên Kinh mừng thọ vua Càn Long, nhưng người đó là vua Quang Trung hay Phạm Công Trĩ thì phải xem xét lại, và theo tác giả bài viết, đó chính là Phạm Công Trĩ trong vai giả vương, vì vua Quang Trung không thể liều mạng bỏ nước mà đi trong tình hình “dầu sôi lửa bỏng” lúc bấy giờ.

ABSTRACT**ABOUT THE PORTRAIT OF KING QUANG TRUNG**

According to the author, the first portrait which was supposed to be King Quang Trung and publicized by *Đông thanh* magazine in 1932 actually portrayed the young Emperor Qianlong. Originally, Emperor Qianlong had a court painter draw that portrait to give to King Quang Trung due to his petition. The other portraits discovered later are the image of the head of the Đại Việt mission to Beijing to attend Emperor Qianlong's longevity wishing ceremony. But the fact that the person in the portrait was King Quang Trung or Phạm Công Trĩ must be considered. According to the author, they were the portraits of the fake king Phạm Công Trĩ because King Quang Trung could not risk leaving his country in such critical situation at that time.